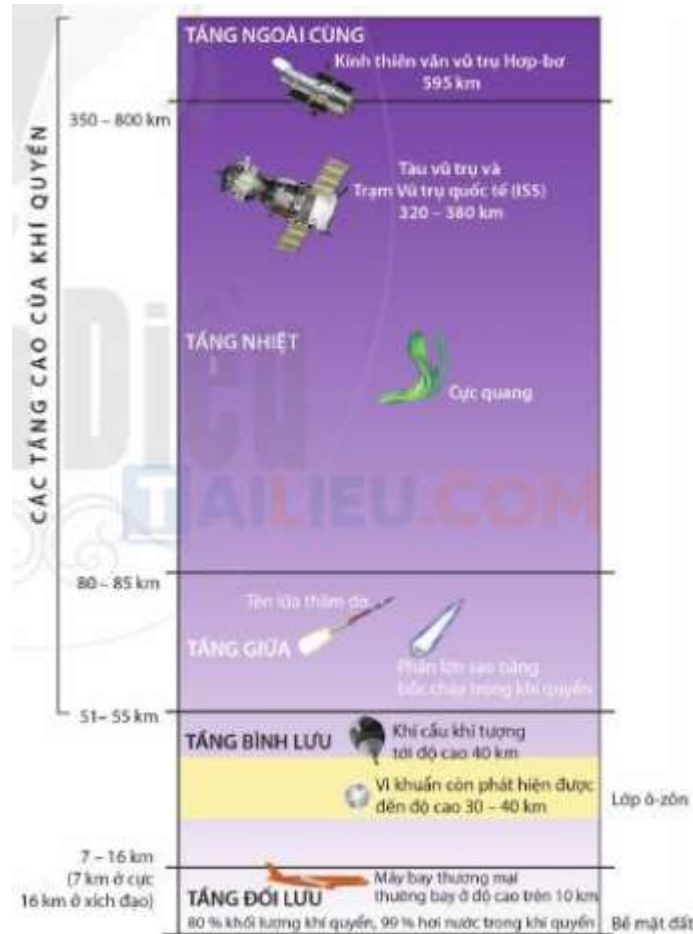


Bài 13: Khí quyển của Trái Đất. Các khối khí. Khí áp và gió

Trả lời câu hỏi giữa bài Địa 6 Bài 13 (Cánh diều)

Câu hỏi 1 trang 151 Địa Lí lớp 6: Đọc thông tin và quan sát hình 13.1, hãy lập bảng mô tả đặc điểm của các tầng khí quyển.



Hình 13.1. Sơ đồ các tầng của khí quyển

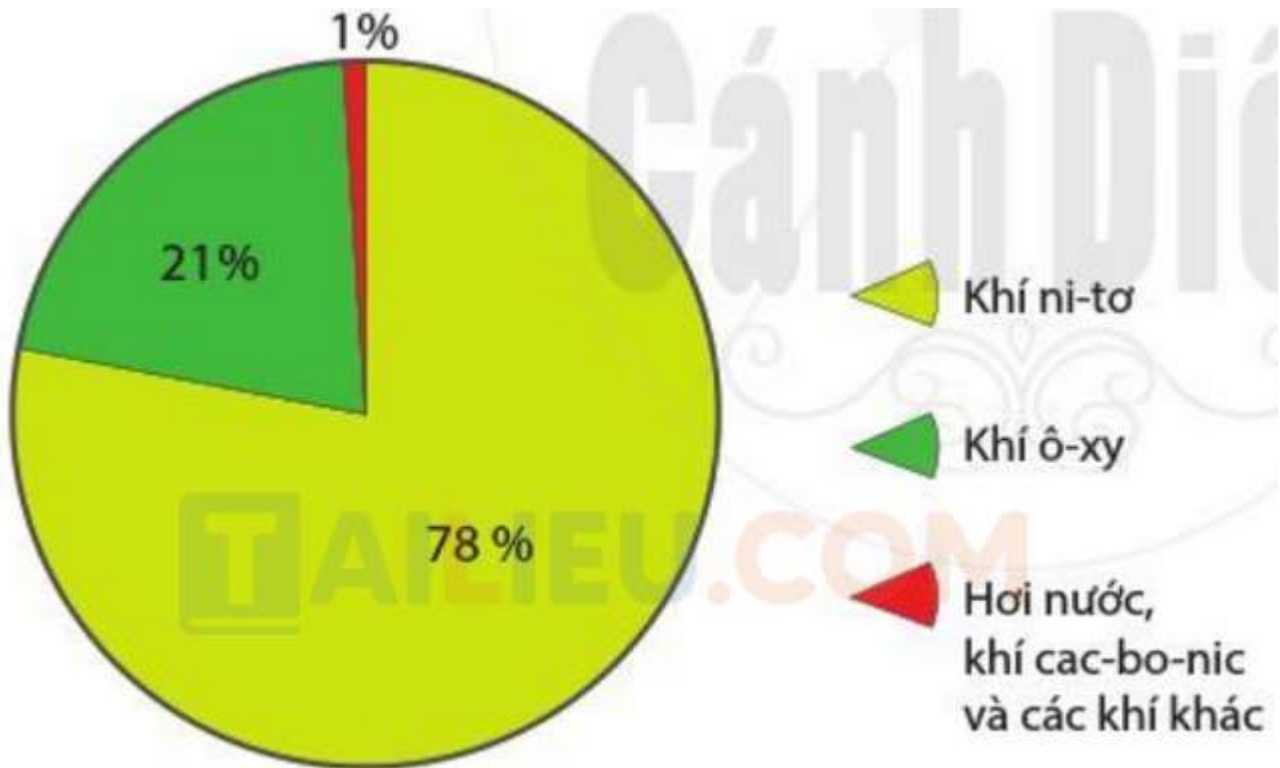
Lời giải:

Đặc điểm của các tầng khí quyển:

- Tầng đối lưu: độ cao từ 0 – 16 km (16 km ở xích đạo), chiếm 80% khối lượng khí quyển, 99% hơi nước trong khí quyển
- Tầng bình lưu: độ cao 16 - 55km, có lớp ôdôn ngăn cản tia bức xạ có hại cho sinh vật và con người.
- Các tầng cao của khí quyển không khí cực loãng:

- + Tầng giữa: độ cao từ 55 – 85km.
- + Tầng nhiệt: từ 85 – 350 hoặc 800km.
- + Tầng ngoài cùng:) : trên 55km.

Câu hỏi 2 trang 151 Địa Lí lớp 6: Dựa vào hình 13.2, hãy cho biết không khí gồm những thành phần nào?



Hình 13.2. Biểu đồ các thành phần của không khí

Lời giải:

- Không khí gồm các thành phần:

- + 78% khí ni - tơ
- + 21% khí ô - xy
- + 1% hơi nước, khí cac-bo-nic và các khí khác.

Câu hỏi 3 trang 151 Địa Lí lớp 6: Khí ô – xy, khí cac-bo-nic, hơi nước tuy chiếm tỉ lệ nhỏ nhưng lại có vai trò rất lớn. Hãy cho biết vai trò của khí ô – xy, hơi nước và khí cac-bo-nic đối với đời sống và sản xuất của con người.

Lời giải:

- Vai trò của khí của khí ô – xy, hơi nước và khí cac-bo-nic:

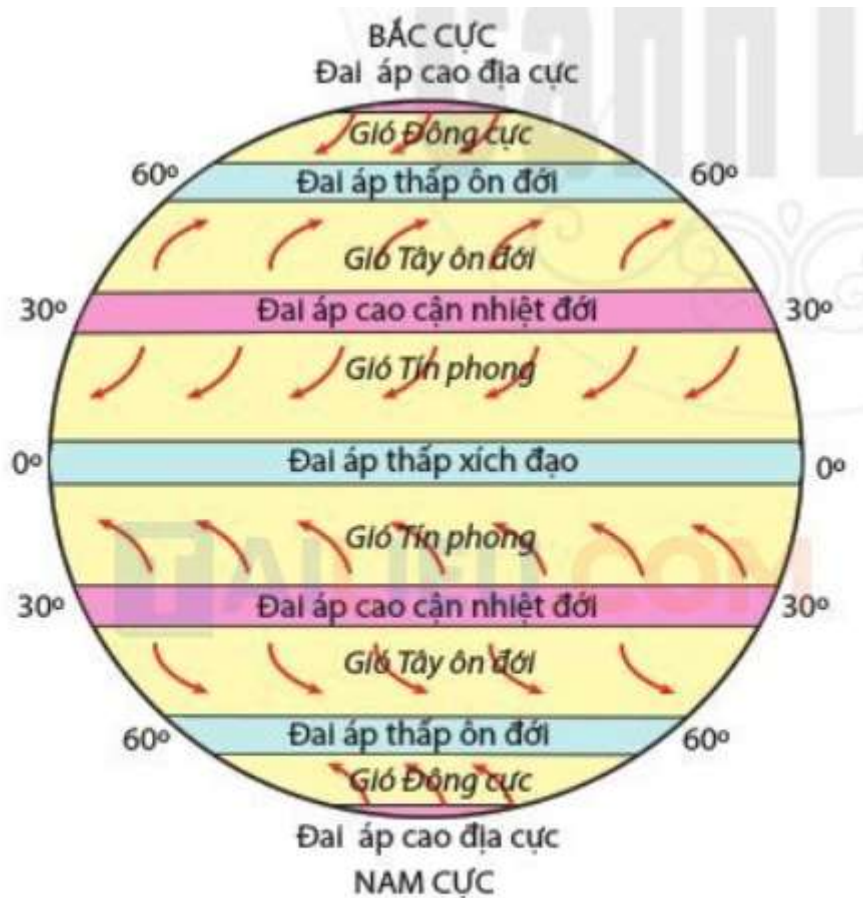
Khí ô – xy, hơi nước và khí cac-bo-nic tuy chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ, nhưng có vai trò quyết định đến sự sống của con người và mọi sinh vật trên Trái Đất. Vì con người và động vật cần khí ô- xy để thở, thực vật cần cac – bo – nic để quang hợp, hơi nước tác động vào quá trình trao đổi chất trong môi trường sống. Nếu không có khí ô – xy, hơi nước và khí cac-bo-nic thì trên Trái Đất sẽ không tồn tại sự sống.

Câu hỏi trang 152 Địa Lí lớp 6: Hãy cho biết đặc điểm của khối khí nhiệt đới có bề mặt tiếp xúc là đại dương.

Lời giải:

Đặc điểm của khối khí nhiệt đới có bề mặt tiếp xúc là đại dương là nóng và ẩm.

Câu hỏi trang 153 Địa Lí lớp 6: Đọc thông tin và quan sát hình 13.5, hãy:



Hình 13.5. Phân bố các đai khí áp và một số loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất

- Kể tên các đai khí áp trên trái đất. Các đai khí áp phân bố như thế nào trên Trái Đất?
- Kể tên các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. Nhận xét về sự phân bố của các loại gió đó.

Lời giải:

- Tên các đai khí áp trên Trái Đất:

- + Đai áp cao địa cực
- + Đai áp thấp ôn đới
- + Đai áp cao cận nhiệt đới
- + Đai áp thấp xích đạo

=> Các đai khí áp phân bố xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

- Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất là:

- + Gió Tín phong
- + Gió Tây ôn đới
- + Gió Đông cực

=> Nhận xét:

+ Gió Tín phong là gió thổi từ các đai áp cao cận nhiệt đới về áp thấp xích đạo. Ở nửa cầu Bắc gió thổi theo hướng Đông Bắc, ở nửa cầu Nam gió thổi theo hướng Đông Nam.

+ Gió Tây ôn đới là gió thổi từ các đai áp cao cận nhiệt đới về các đai áp thấp ôn đới. Ở nửa cầu Bắc gió hướng Tây Nam, ở nửa cầu Nam gió hướng Tây Bắc.

+ Gió Đông cực là gió thổi từ áp cao địa cực về áp thấp ôn đới. Ở nửa cầu Bắc gió thổi theo hướng Đông Bắc, ở nửa cầu Nam gió thổi theo hướng Đông Nam.

Giải luyện tập & vận dụng Bài 13 Địa lí 6 (Cánh diều)

Luyện tập và Vận dụng 1 trang 154 Địa Lí lớp 6: Quan sát hình 13.1, hãy cho biết tầng khí quyển nào có liên quan nhiều nhất tới đời sống và sản xuất của con người. Trình bày đặc điểm của tầng khí quyển đó.

Lời giải:

- Tầng khí quyển liên quan nhiều nhất tới đời sống và sản xuất của con người là tầng đối lưu.

- Đặc điểm tầng đối lưu là:

+ Độ cao từ 0 - 16km (7km ở cực; 16km ở xích đạo)

+ Tập trung tới 90% không khí, 99% hơi nước.

+ Càng lên cao không khí càng loãng, nhiệt độ càng giảm dần, trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ giảm 0,6⁰ C.

+ Là nơi sinh ra các hiện tượng khí tượng: mây, mưa, sấm chớp...

Luyện tập và Vận dụng 2 trang 154 Địa Lí lớp 6: Quan sát hình 13.5, hãy hoàn thành bảng mô tả đặc điểm của các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất theo mẫu sau:

Lời giải:

| Loại gió | Phạm vi hoạt động | Hướng gió |
|----------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Gió Tín phong | khoảng vĩ độ 30° Bắc và Nam về Xích đạo. | - Bán cầu Bắc: hướng Đông Bắc. - Bán cầu Nam: hướng Đông Nam. |
| Gió Tây ôn đới | khoảng từ vĩ độ 30° Bắc và Nam lên khoảng vĩ độ 60° Bắc và Nam. | - Bán cầu Bắc: hướng Tây Nam. - Bán cầu Nam: hướng Tây Bắc. |
| Gió Đông cực | từ cực Bắc/Nam về vĩ tuyến 60° Bắc/Nam | - Bán cầu Bắc: hướng Đông Bắc. - Bán cầu Nam: hướng Đông Nam. |

Luyện tập và Vận dụng 3 trang 154 Địa Lí lớp 6: Hãy tìm kiếm thông tin trên Internet với câu hỏi "Tại sao máy bay thương mại thường bay ở độ cao trên 10 000 m?" và tìm hai lí do liên quan đến đặc điểm khí quyển để trả lời cho câu hỏi này.

Lời giải:

Các máy bay thương mại thường bay ở độ cao trên 10.000 m vì:

- Máy bay sẽ tiết kiệm được nhiên liệu do hạn chế được sức cản của không khí, bởi càng gần mặt đất mật độ không khí càng dày.

- Máy bay sẽ tránh được phần lớn thời tiết xấu hay bị nhiễu sóng, do tầng đối lưu là nơi sinh ra các hiện tượng: mây, mưa, sấm chớp...

Luyện tập và Vận dụng 4 trang 154 Địa Lí lớp 6: Quan sát bức ảnh bên và cho ý kiến của mình về hành động nhóm bếp than tổ ong trên hè phố

Lời giải:

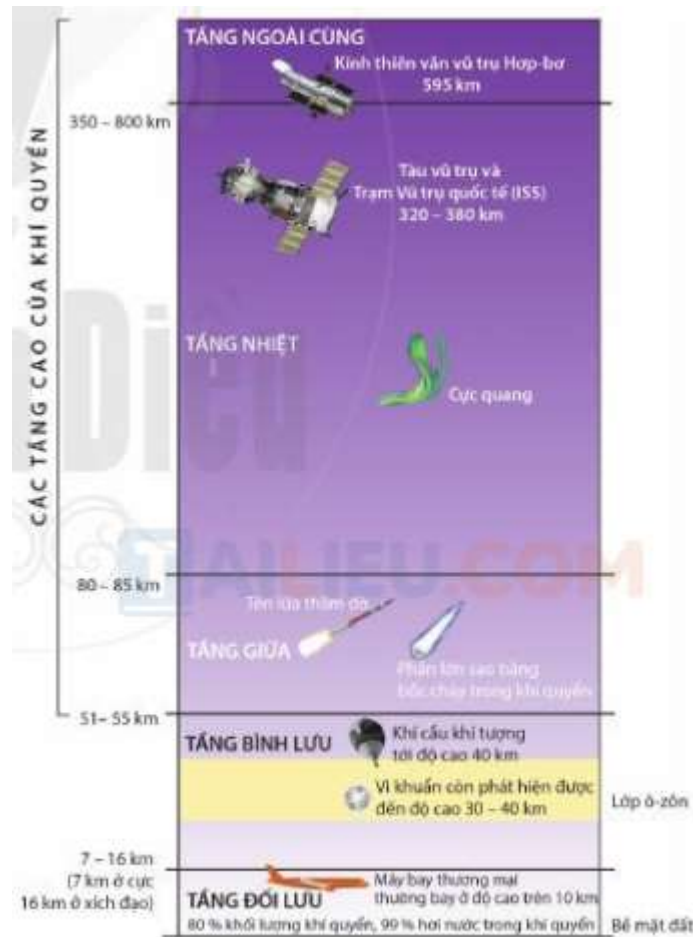
Hành động nhóm bếp than tổ ong trên hè phố là không đúng. Vì than tổ ong khi đốt sẽ tạo ra các chất khí độc như: cacbon oxit, cacbon dioxit, nitơ oxit ...các chất này gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người và sinh vật.

Lý thuyết Địa lí lớp 6 Bài 13 (Cánh diều)

1. Khí quyển

* *Khí quyển*

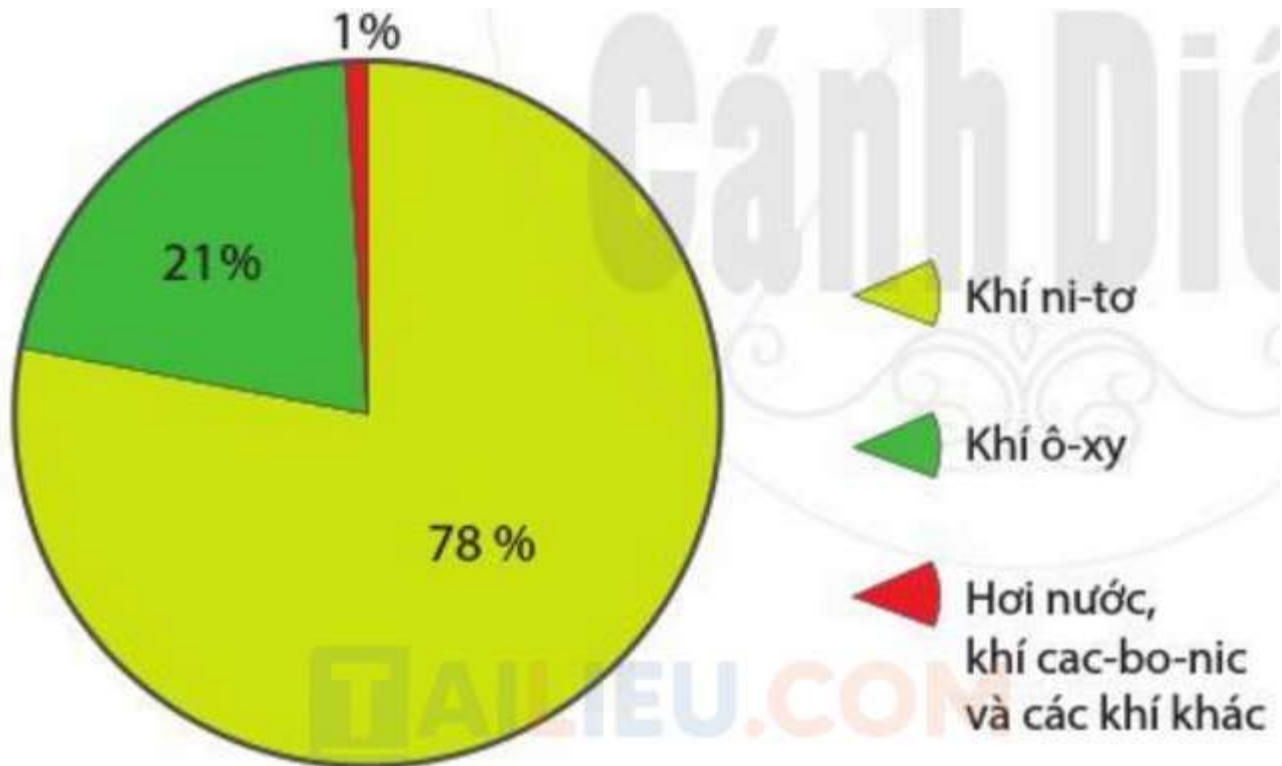
- Khí quyển (lớp vỏ khí) là lớp không khí bao bọc quanh Trái Đất, được giữ lại nhờ sức hút của Trái Đất.



Hình 13.1. Sơ đồ các tầng của khí quyển

| Tầng | Đổi lưu | Bình lưu | Các tầng cao của khí quyển |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Độ cao | Dưới 16km. | 16 - 55km. | Trên 55km. |
| Đặc điểm | <ul style="list-style-type: none"> - Không khí bị xáo trộn mạnh, thường xuyên. - Xảy ra các hiện tượng tự nhiên: mây, mưa,... - Càng lên cao không khí càng loãng, nhiệt độ giảm ($0,6^{\circ}\text{C}/100\text{m}$),... | <ul style="list-style-type: none"> - Có lớp ôdôn ngăn cản tia bức xạ có hại cho sinh vật và con người. - Không khí chuyển động thành luồng ngang. | <ul style="list-style-type: none"> Không khí cực loãng. Ít ảnh hưởng trực tiếp tới thiên nhiên và đời sống con người trên mặt đất. |

*** Thành phần của không khí**



Hình 13.2. Biểu đồ các thành phần của không khí

- Không khí gồm các thành phần:

+ 78% khí ni-tơ.

+ 21% khí ô-xy.

+ 1% hơi nước, khí cac-bo-nic và các khí khác.

- Thành phần không khí thay đổi đến một mức nào đó sẽ làm biến đổi khí hậu trên Trái Đất.

2. Các khối khí

- Nguyên nhân hình thành khối khí do không khí ở phía dưới thuộc tầng đối lưu chịu ảnh hưởng của mặt tiếp xúc.

- Đặc điểm

+ Mỗi khối khí được phát sinh ở một khu vực xác định.

+ Mang đặc tính riêng phù hợp với nơi phát sinh ra chúng.

- Phân loại

+ Dựa vào vĩ độ trung bình của nơi phát sinh: xích đạo, nhiệt đới, ôn đới lạnh và cực.



Hình 13.3. Các khối khí chính

+ Dựa vào nhiệt độ: khối khí lạnh và khối khí nóng.

+ Dựa vào bề mặt tiếp xúc: khối khí đại dương và khối khí lục địa.

-> Những khối khí ở xích đạo có đặc điểm nóng và ẩm, còn các khối khí cực có đặc điểm lạnh và khô.

3. Khí áp và gió

* Khí áp

- *Khái niệm:* Sức nén của không khí lên bề mặt Trái Đất.

- *Đặc điểm*

+ Càng lên cao, không khí càng loãng, khí áp càng giảm.

+ Khi nhiệt độ tăng làm không khí nở ra, khí áp sẽ giảm.

+ Khi nhiệt độ giảm làm không khí co lại, khí áp sẽ tăng.

- *Dụng cụ* để đo khí áp được gọi là khí áp kế.

- *Phân loại:* các đai áp cao và các đai áp thấp.



Hình 13.4. Khí áp kế trong điện thoại thông minh và khí áp kế cơ khí treo tường

*** Gió**

- *Khái niệm:* Là sự di chuyển của không khí từ nơi có khí áp cao đến nơi có khí áp thấp.

- *Phân loại*

+ Gió hành tinh: gió Tây ôn Đới, gió Tín phong và gió Đông cực.

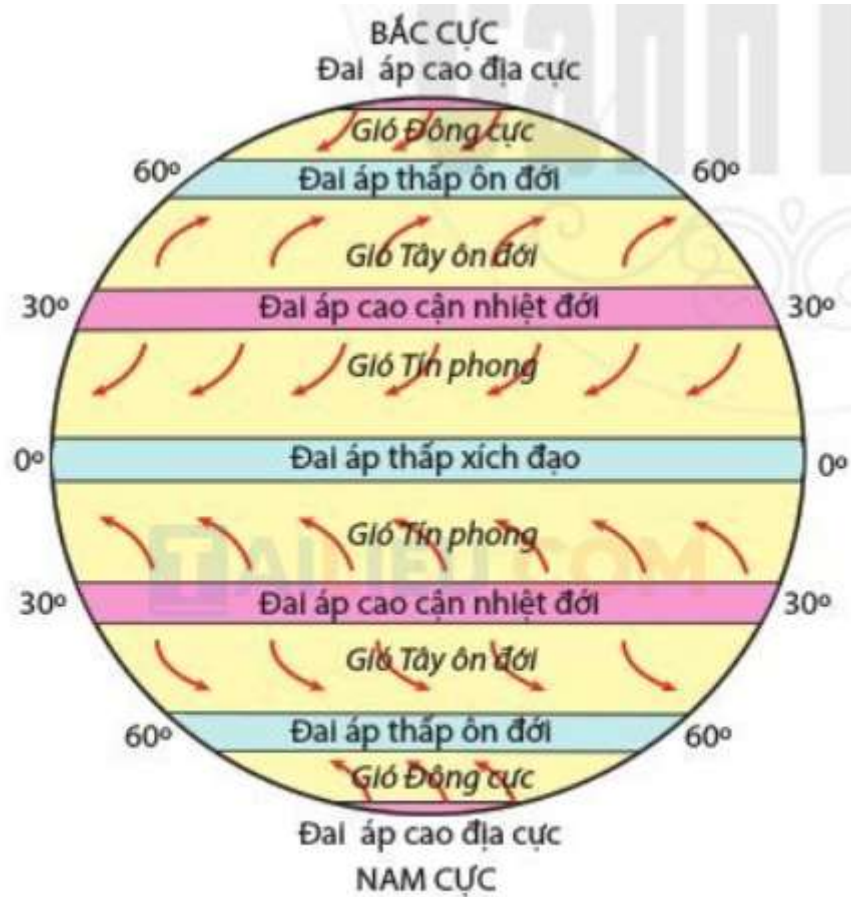
+ Gió địa phương: gió mùa, gió đất, gió biển, gió phơn.

- *Công dụng*

+ Lợi dụng sức gió để đẩy thuyền buồm, đề quay cánh quạt của cối xay gió.

+ Xây dựng các nhà máy điện dùng sức gió.

-> Nguồn năng lượng vô tận và không gây ô nhiễm môi trường.



Hình 13.5. Phân bố các đai khí áp và một số loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất